

Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 13 - 4 - 2023

“V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu.

Bà Giáp Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị U, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Văn L, sinh năm 1969, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã An D, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lương Vũ Hải Y, sinh năm 1995, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 5/10/2022 của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Vũ Thị U trình bày: Năm 2021 bà và ông Lương Văn L giải quyết ly hôn tại Tòa án, tại bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST ngày 30/3/2022 đã giải quyết

cho bà và ông L được ly hôn, giải quyết về nuôi dưỡng con chung, không giải quyết về tài sản chung. Nay bà và ông L không tự thỏa thuận được chia tài sản chung vợ chồng, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 13/4/2022 bà đã đề nghị giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 19/8/2022 bà và ông L thỏa thuận chia tài sản chung nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó bà và ông L vẫn không thống nhất được về việc chia tài sản chung vợ chồng ngày 5/10/2022 bà tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng.

Bà xác định tài sản chung của bà và ông Lương Văn L gồm: 01 ngôi nhà 2 tầng, bán mái phía trước và mái tôn trước nhà, bán mái sau nhà (nhà bếp), tường vánh lao, 02 cây bưởi trên diện tích đất thổ cư 100m² tờ bản đồ 01, thửa số 479 (lô 09) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh trang 4 ngày 25/10/2018 cho bà và ông L, mảnh đất này thức tế bà và ông L đã quản lý sử dụng từ năm 2014. 01 cây bưởi, 02 cây ổi, 01 cây hồng xiêm nằm trên phần đất rãnh thoát nước, ngoài ra bà và ông L còn một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt vợ chồng đã tự thỏa thuận chia xong từ năm 2021, cây bưởi, cây ổi, cây hồng xiêm trên rãnh thoát nước ai là người quản lý sử dụng đất sẽ được sở hữu cây cối lâm lộc trên đất. Nguồn gốc diện tích đất này mang tên ông Vũ Văn C là anh trai của bà chuyển đổi cho bà và ông L, hiện nay ông L đang quản lý và sử dụng toàn bộ tài sản còn bà và cháu D ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của bà từ năm 2021. Đối với đất và các tài sản trên đất là của bà và ông L các con bà không đóng góp gì trong khối tài sản trên, bà và ông L không còn tài sản chung nào khác, hai người không có liên quan đến vay nợ chung.

Đến nay bà đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật. Nếu bà được giao đất, nhà và công trình xây dựng thì bà trích chia cho ông L bằng tiền, nếu ông L được giao đất, nhà và công trình xây dựng thì ông L phải trích chia tài sản cho bà bằng tiền. Đối với tiền chi phí thẩm định, định giá và đo đạc hết 2.050.000 đồng bà không yêu cầu ông L phải chịu số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 24/10/2022 và biên bản ghi lời khai ngày 25/10/2022 bị đơn ông Lương Văn L trình bày: Năm 2021 ông và bà Vũ Thị U giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tại bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST ngày 30/3/2022 đã giải quyết cho ông và bà U được ly hôn, giải quyết về nuôi dưỡng con chung, không giải quyết về tài sản chung. Ngày 13/4/2022 bà U đã đề nghị giải quyết chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 19/8/2022 bà U và ông thỏa thuận chia tài sản chung nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó bà U và ông không thống nhất được về việc chia tài sản chung vợ chồng ngày 5/10/2022 bà U tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng, ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo pháp luật.

Ông xác định tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 2 tầng, bán mái phía trước và mái tôn trước nhà, bán mái sau nhà (nhà bếp), tường vánh lao, 02 cây bưởi trên diện tích đất thổ cư 100m² tờ bản đồ 01, thửa số 479 (lô 09) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh trang 4 ngày 25/10/2018 cho bà U và ông, 01 cây bưởi, 02 cây ổi, 01 cây hồng xiêm nằm trên phần đất rãnh thoát nước, ngoài ra ông bà còn một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt hai bên đã tự thỏa thuận chia xong từ năm 2021. Hiện nay ông đang quản lý đất và sử dụng ngôi nhà cùng các tài sản trên đất, bà U ở nhà bố mẹ đẻ từ năm 2021, ngoài diện tích đất trên ông không có nơi nào để ở, ông là thợ hàn cơ khí. Đối với đất và các tài sản trên đất là của ông và bà U các con bà không đóng góp gì trong khối tài sản trên, ông và bà U không còn tài sản chung nào khác, hai người không có liên quan đến vay nợ chung. Đến nay bà U đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật. Nếu ông được giao đất, nhà và công trình xây dựng thì ông trích chia tài sản cho bà U bằng tiền, nếu bà U được được giao đất, nhà và công trình xây dựng thì bà U phải trích chia tài sản cho ông bằng tiền.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Vũ Hải Y trình bày: Chị xác định nhà, công trình và tài sản trên diện tích đất thổ cư 100m² tại thửa số 479, tờ bản đồ số 01, địa chỉ ở thôn H, xã A, huyện T là tài sản của bố mẹ chị tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, chị không có đóng góp gì và cũng không đề nghị Tòa án xem xét về công sức đóng góp đối với tài sản trên. Chị không yêu cầu ông L, bà U phải trích chia tài sản cho chị.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lương Văn D trình bày: Cháu là con của bố Lương Văn L và mẹ Vũ Thị U, cháu vẫn ở với mẹ từ năm 2021. Đối với tài sản của bố mẹ cháu đang giải quyết chia tại Tòa án, cháu xác định không có công sức đóng góp do thời điểm tạo dựng tài sản chung cháu còn nhỏ. Cháu không yêu cầu bố mẹ trích chia tài sản chung của bố mẹ cho cháu, nếu bố mẹ cho cháu cũng không nhận.

Quá trình làm việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lương Văn L lên Tòa án để làm việc, tuy nhiên ông L cố tình không đến Tòa làm việc, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà bà Vũ Thị U vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung cho bà và ông

Lương Văn L theo quy định pháp luật. Ông Lương Văn L, chị Lương Vũ Hải Y vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn bà Vũ Thị U, người liên quan chị Lương Vũ Hải Y thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, bị đơn ông Lương Văn L không chấp hành nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33, Điều 59, khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 3 Điều 100; Khoản 1 Điều 166 Luật Đất đai. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị U về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

- Giao cho ông Lương Văn L được quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư 100m² tại thửa số 479, tờ bản đồ số 01, địa chỉ ở thôn H, xã A, huyện T, được sở hữu tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở 2 tầng lợp tôn, bán mái trước nhà, bán mái giáp đường, bán mái mộp proximi măng sau nhà (nhà bếp), 03 đoạn tường vảnh lao, 03 cây bưởi, 02 cây ổi, một cây hồng xiêm, tổng giá trị tài sản là 884.758.000 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm năm tám triệu đồng).

- Ông L được hưởng tài sản là 454.758.000 đồng nhưng phải trích chia tiền chênh lệch về tài sản cho bà Vũ Thị U là 430.000.000 đồng.

- Về án phí: Bà U, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Bà U phải chịu theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị U khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với ông Lương Văn L, cùng địa chỉ: thôn H, xã A,

huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lương Văn L vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lương Vũ Hải Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Vũ Thị U và ông Lương Văn L đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết ly hôn tại Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST ngày 30/3/2021, tuy nhiên Tòa án chỉ giải quyết quan hệ hôn nhân và nghĩa vụ nuôi con chung, không giải quyết về chia tài sản chung. Nay bà U đề nghị Tòa án chia tài sản chung, xác định tài sản chung mà bà U và ông L có tranh chấp bao gồm những tài sản sau:

Toàn bộ tài sản chung hiện do ông L đang quản lý gồm: Giá trị diện tích đất ở 100m² tại thửa số 479 (lô 09), tờ bản đồ số 01 là 500.000.000 đồng, 01 căn nhà ở 2 tầng là 358.176.000 đồng, bán mái trước nhà là 7.963.000 đồng, bán mái giáp đường là 2.261.000 đồng, bán mái mợp proximi măng sau nhà (nhà bếp) là 13.888.000 đồng, 02 cây bưởi là 2.470.000 đồng. Tổng cộng 884.758.000 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm năm tám triệu đồng). Ngoài ra trên đất còn 01 cây bưởi, 02 cây ổi, 01 cây hồng xiêm, 03 đoạn tường vảnh lao xây bao quanh đất, các đương sự không yêu cầu định giá mà xác định ai được giao quản lý nhà và đất thì sẽ được sở hữu những tài sản này. Ngoài ra ông bà còn một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt nhưng hai bên đã tự thỏa thuận chia xong, bà U và ông L đều xác nhận vợ chồng không có liên quan đến vay, cho vay nợ chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà U ông L đều có nguyện vọng được sở hữu nhà và quản lý đất, chia cho bên không được sở hữu nhà bằng tiền chênh lệch về tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị U, ông Lương Văn L chị Lương Vũ Hải Y và cháu Lương Văn D đều xác định chị Y và cháu D không có quyền về tài sản của bố mẹ hiện ông L đang quản lý. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng diện tích đất ở 100m² tại thửa số 479 (lô 09), tờ bản đồ số 01 thôn H, xã A, huyện T và tài sản lâm lộc gồm: 01 nhà ở 2 tầng lợp tôn, bán mái trước nhà, bán mái giáp đường, bán mái mợp proximi măng sau nhà (nhà bếp), 03 đoạn tường vảnh lao, 03 cây bưởi, 02 cây ổi, một cây hồng xiêm,

tổng giá trị tài sản là 884.758.000 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm năm tám triệu đồng) là tài sản chung mà bà U và ông L có được trong thời kỳ hôn nhân.

Xác định tài sản chung hiện ông L đang quản lý có được là do công sức của bà U và ông L cùng tạo lập và có công sức đóng góp ngang nhau. Đối với nguồn gốc đất làm nhà + công trình có nguồn gốc của gia đình bà U, hiện tại bà U đang nuôi con chung và chưa có nhà ở, nên trong quá trình chia tài sản chung chị U sẽ được chia phần nhiều hơn ông L là phù hợp. Hiện nay ông L không có anh em, họ hàng thân thích, từ trước cho đến nay ông L dựa vào vị trí mặt tiền của ngôi nhà gần đường để mở cửa hàng hàn si làm nghề sinh sống hàng ngày. Bà U kể từ trước khi ly hôn cho đến nay thì vẫn sinh sống trên diện tích đất của bố mẹ và đi làm công nhân. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, quyền lợi của các bên cần giao cho ông L được tiếp tục sử dụng, quản lý diện tích đất ở và các công trình trên đất, ông L phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà U bằng tiền.

Tổng tài sản ông L đang quản lý là 884.758.000 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm năm tám triệu đồng), tài sản chung ông L được hưởng là 434.758.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng), ông L phải trích chia tiền chênh lệch về tài sản cho bà U là 450.000.000 đồng (Bốn trăm, năm mươi triệu đồng).

Bà Vũ Thị U được nhận từ ông L tiền trích chia giá trị chênh lệch tài sản là 450.000.000 đồng.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc:

Tổng chi phí thẩm định, định giá và đo đạc là 2.050.000 đồng, tại phiên tòa bà Uyên xin chịu cả số tiền trên. Xác nhận bà U đã nộp đủ số tiền 2.050.000 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc.

[4] Về án phí: Ông Lương Văn L, bà Vũ Thị U phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 33, Điều 59; khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 213, Điều

219, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị U về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

Giao cho ông Lương Văn L được sở hữu các tài sản gồm: 01 nhà ở 2 tầng lợp tôn, bán mái trước nhà, bán mái giáp đường, bán mái mợp proximi mǎng sau nhà (nhà bếp), 03 đoạn tường vành lao, 03 cây bưởi, 02 cây ổi, một cây hồng xiêm, được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ở 100m² tại thửa số 479 (lô 09), tờ bản đồ số 01, địa chỉ ở thôn H, xã An D, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có sơ đồ kèm theo).

Tổng tài sản ông L đang quản lý, sở hữu là 884.758.000 đồng (Tám trăm tám mươi tư triệu, bảy trăm năm tám triệu đồng), nhưng ông L phải trích chia giá trị chênh lệch tài sản bằng tiền cho bà U là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), ông L được hưởng tài sản là 434.758.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả được số tiền phải trả cho người được thi hành án thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá:

Bà Vũ Thị U phải chịu 2.050.000 đồng (Hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản và chi phí đo đạc. Xác nhận bà Uyên đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí:

- Bà Vũ Thị U phải chịu 22.000.000 đồng án phí chia tài sản, xác nhận bà U đã nộp 19.260.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011856 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, khoản tiền này được chuyển thành án phí. Bà U còn phải nộp số tiền 2.740.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lương Văn L phải chịu 21.390.000 đồng án phí chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huy Biên